NO	후 /CE/ 세자 Cấp bậc Rút 후 CE Giám đốc CE 세자 Trước Ttoán 대 그 1 회 회 대 그 1 회 회 회 대 그 1 회 회 회	Ttoán 소비자 소비자 bổ nhiệm Trước Ttoán Cao nhất 소비자 Thăng cấp Ngày 4레 4메 4	Hđộng y Đký Tthái Hsuất 추수 후수 추매수 하 N 0 0 0 0 Y 0 0 0 N 0 0 0	Stiền 수 - 유수 로보너스 터수 터추 수 - 0 0 0 3,102,370 - 0 0 0 1,034,120 - 0 0 0 0	Ttích 주 로 TSTiền Số Thợp Stiền WOWNET 오토 0 3,102,370 1 0 0 0 0 2,166,377 1 0 0 0 0 1,139,753 1 440,000 200,000 0	Ttích 주 로 Tlũy PV Số Thợp Stiền WOWNET 오토 0 1 0 0 0 1,500,000 0 1 786,500 1,700,000	L주 로 L주 로 PV 주 로 chung Mua lại 자 주 로 Tdùng 주 로 c 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0	L주 로Tlűy 로 chung Mua lại 자 주 로 Tdùng 0 0 0 0 0 0 0	구매자 하 Ttin () trục tiếp Vị trí Số Tên Số Số Dòng A Dòng B 60060254 기 60060254 기 61000062 자	p Ttích Trước Dòng C Trái Phải 0 3,567,000 0	Ttích mới Ttích Ttoán Ttích Chuyển Ttích Tlũy Trái Phải Trái Phải Trái Phải Trái Phải 0 3,567,000 0 0 0 0 17,208,000 0 2,049,000 3,657,000 5,616,000 3,657,000 1,959,000 0 19,257,000 3,657,00 0 2,500,000 5,050,000 5,050,000 0 1,430,000 4,761,000 5,050,00	추수 후수 추매수 하유수 로 0 0 0 0 0 0 00 0	보너스 터수 터추 수 TSTiền 0 3,102,370 0 3,102,370 0 1,034,120 0 2,166,377 0 0 0 1,139,753
4 기 2020-10-31 규 61000315 하 780912-1234567 2020-10-16 4	대 그 1 회 회	4레 2스타 2스타 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1	N 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0	0 0 0 0 0 4,136,490	0 120,000 1 1,320,000 600,000 0 0 6,528,500 4 1,760,000 800,000 0	0 1 1,320,000 600,000 0 4 2,106,500 3,800,000	0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0		61000037	3,567,000	0 600,000 400,000 600,000 1,000,000 0 400,000 600,000 400,00 0 8,716,000 9,107,000 9,836,000 9,707,000 1,959,000 1,830,000 41,826,000 9,107,000		0 0 0 4,136,490 0 6,528,500